

V/v thực hiện rà soát, xây dựng kế hoạch giai đoạn 2021 – 2025 Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.

Hà Nội, ngày ~~16~~ tháng 3 năm 2020

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017 - 2025,

Để chuẩn bị danh mục, số liệu nhu cầu đầu tư giai đoạn 2021 – 2025 trình Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan liên quan thực hiện rà soát, xác định nhu cầu đầu tư theo các nội dung sau:

1. Mục tiêu đầu tư

a) Tiếp tục thực hiện xây dựng thay thế các phòng học tạm thời (bao gồm: phòng học tranh tre, nứa lá, phòng học xây dựng tạm bằng các loại vật liệu khác); phòng học bán kiên cố đã hết niên hạn sử dụng, đang xuống cấp, cần xây dựng lại; phòng học nhờ, mượn, thuê.

b) Đầu tư xây dựng bổ sung đủ số phòng học đạt chuẩn 1 lớp/1 phòng cấp mầm non và tiểu học; đủ số phòng phục vụ học tập, phòng bộ môn và thư viện cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.

c) Mua sắm bổ sung đủ thiết bị dạy học tối thiểu cho giáo dục mầm non và phổ thông, ưu tiên cho các cấp học phổ thông theo lộ trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa.

2. Rà soát, xác định nhu cầu đầu tư


a) Căn cứ các quy định về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, xác định nhu cầu đầu tư xây dựng, mua sắm bổ sung nhằm bảo đảm điều kiện để các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục, nhất là Chương trình giáo dục phổ thông 2018, ưu tiên đủ phòng học, thư viện, các phòng học bộ môn (bao gồm, cấp Tiểu học: Âm nhạc, Mỹ thuật, Khoa học Công nghệ, Tin học, đa chức năng; cấp THCS: Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Tin học, đa chức năng; cấp THPT:

Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Tin học, đa chức năng, Vật lý, Hóa học, Sinh học); đồng thời, hướng đến tăng cường cơ sở vật chất để xây dựng trường đạt chuẩn với các mức độ (đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu) để các địa phương không dừng lại ở việc công nhận trường đạt chuẩn mà cần quan tâm, bố trí nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và các hoạt động giáo dục;

b) Dự kiến nhu cầu nguồn vốn thực hiện, đề xuất cụ thể cơ cấu các nguồn vốn (ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và huy động khác); cần xác định chủ động cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương và huy động khác để thực hiện;

c) Tổng hợp số liệu theo các biểu mẫu 1, 2, 3 kèm theo.

(Các file biểu mẫu được đăng tải kèm theo công văn trên trang web: moet.gov.vn, khi tổng hợp số liệu không thay đổi nội dung, bố cục của các biểu mẫu)

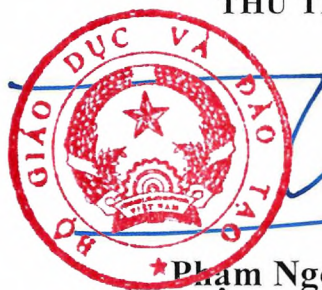
Báo cáo của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (kèm theo các biểu mẫu) gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 01/5/2020 bằng văn bản và file văn bản theo địa chỉ: Cục Cơ sở vật chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 35 Đại Cồ Việt, Hà Nội; Email: cuccsvc@moet.gov.vn. 

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các sở GD&ĐT (để t/h);
- Lưu: VT, CSVC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



★ Phạm Ngọc Thường

NHU CẦU ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIẾN CỐ HÓA TRƯỜNG, LỚP HỌC

(Kèm theo Công văn số **879** /BGDDT-CSVC ngày **18** tháng **3** năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

(Đơn vị : triệu đồng)

STT	Cấp học	Số lượng			Nhu cầu vốn		
		Phòng học tạm	Phòng học bán kiên cố xuống cấp	Phòng học nhờ, mượn	Ngân sách Trung ương (Trái phiếu Chính phủ)	Ngân sách địa phương	Huy động khác
1	Mầm non						
2	Tiểu học						
3	Trung học cơ sở						
4	Trung học phổ thông						

NHU CẦU ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BỔ SUNG, TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG HỌC(Kèm theo Công văn số **879** /BGDĐT-CSVC ngày **18** tháng **3** năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

(Đơn vị : triệu đồng)

STT	Cấp học	Tổng số trường	Tổng số lớp	Số phòng hiện có	Số phòng cần bổ sung	Nhu cầu vốn		
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Huy động khác
1	Mầm non							
1.1	Phòng học							
2	Tiểu học							
2.1	Phòng học							
2.2	Thư viện							
2.3	Phòng học bộ môn Âm nhạc							
2.4	Phòng học bộ môn Mỹ thuật							
2.5	Phòng học bộ môn Tin học							
2.6	Phòng đa chức năng							
2.7	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ							
2.8	Phòng Thiết bị giáo dục							
3	Trung học cơ sở							
3.1	Phòng học							
3.2	Thư viện							
3.3	Phòng học bộ môn Âm nhạc							
3.4	Phòng học bộ môn Mỹ thuật							
3.5	Phòng học bộ môn Tin học							
3.6	Phòng đa chức năng							
3.7	Phòng học bộ môn Công nghệ							
3.8	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên (hoặc Vật lý, Hóa học, Sinh học)							
3.9	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội							
3.10	Phòng Thiết bị giáo dục							
4	Trung học phổ thông							
4.1	Thư viện							
4.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc							
4.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật							
4.4	Phòng học bộ môn Tin học							
4.5	Phòng đa chức năng							
4.6	Phòng học bộ môn Công nghệ							
4.7	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội							
4.8	Phòng học bộ môn Vật lý							
4.9	Phòng học bộ môn Hóa học							
4.10	Phòng học bộ môn Sinh học							
4.11	Phòng Thiết bị giáo dục							

NHU CẦU MUA SẴM BỔ SUNG THIẾT BỊ DẠY HỌC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Công văn số **879** /BGDDT-CSVC ngày **18** tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

(Đơn vị : triệu đồng)

STT	Cấp học	Tổng số trường	Tổng số lớp	Số bộ thiết bị hiện có	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu tối thiểu	Số bộ thiết bị bổ sung	Nhu cầu vốn		
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Huy động khác
1	Mầm non								
1.1	Thiết bị dạy học tối thiểu								
1.2	Đồ chơi ngoài trời								
2	Tiểu học								
2.1	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1								
2.2	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2								
2.3	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 3								
2.4	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 4								
2.5	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 5								
2.6	Máy tính								
2.7	Thiết bị dạy học ngoại ngữ								
2.8	Bàn ghế, trong đó								
	- Bàn ghế 02 chỗ ngồi								
	- Bàn ghế trên 02 chỗ ngồi								
3	Trung học cơ sở								
3.1	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 6								
3.2	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 7								
3.3	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 8								
3.4	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 9								
3.5	Máy tính								
3.6	Thiết bị dạy học ngoại ngữ								
3.7	Bàn ghế								
	- Bàn ghế 02 chỗ ngồi								
	- Bàn ghế trên 02 chỗ ngồi								
4	Trung học phổ thông								
4.1	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 10								
4.2	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 11								
4.3	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 12								
4.4	Máy tính								
4.5	Thiết bị dạy học ngoại ngữ								
4.6	Bàn ghế								
	- Bàn ghế 02 chỗ ngồi								
	- Bàn ghế trên 02 chỗ ngồi								

Ghi chú: 01 bộ thiết bị dạy học tối thiểu các lớp được tính bao gồm đầy đủ thiết bị của các môn học của lớp học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo